

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 09/2021/HC-PT

Ngày 11/01/2021

V/v Khiếu kiện quyết định giải quyết  
khấu nại trong lĩnh vực đất đai

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Tự Học;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Cường;

Bà Lê Thị Thúy Bình.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 166/2020/TLPT-HC ngày 17 tháng 3 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực đất đai”, do có kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9592/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

***1. Người khởi kiện:*** Ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1963; vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1992; có mặt.

Đều trú tại: thôn Tòng L 3, xã Trường Gi, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang.

***2. Người bị kiện:*** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Ông Dương Văn Kh - Chuyên viên Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

### **3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1960; địa chỉ: thôn Tòng L 3, xã Trường Gi, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang;

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện Lục N:* Ông Dương Văn Kh - Chuyên viên Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.3. Ủy ban nhân dân xã Trường Gi, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang;

*Người đại diện theo ủy quyền của UBND xã Trường Gi:* Ông Nguyễn Đức Ngh - Chủ tịch; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/3/2019, đơn đề nghị, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện ông Nguyễn Văn Ng và người đại diện theo ủy quyền của ông Ng là anh Nguyễn Văn H trình bày:*

Đề nghị Tòa án: Hủy Quyết định số 6581/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Ng, trú tại thôn Tòng L 3, xã Trường Gi, huyện Lục N (lần đầu) (viết tắt là Quyết định số 6581/QĐ-UBND ngày 30/10/2018).

Căn cứ người khởi kiện đưa ra là: Gia đình ông sử dụng thửa đất số 299, tờ bản đồ số 10, thôn Tòng L 3, xã Trường Gi, huyện Lục N từ năm 1989. Năm 2003 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ). Phía sau nhà ông là thửa đất số 240 của ông Nguyễn Văn M. Trước đây để vào nhà ông M có lối đi nhỏ, thấp ở cạnh đất nhà ông. Năm 1995 thì hộ gia đình bà Nga đến ở, thì lối mòn này đi có chiều rộng vừa xe bò đi. Năm 1997 bà Nga làm nhà có đổ thêm đất vào lối đi để lấy đường chở vật liệu vào xây nhà. Năm 2008 ông Nguyễn Văn D đổ thêm đất lên lối mòn để lấy đường đi trở đất từ phía trong ra. Trong quá trình ông D đổ đất lên lối mòn, thì đất tràn ra hai bên, trong đó có tràn sang đất nhà ông, ông đã yêu cầu ông D thu dọn đất để không tràn đất sang đất nhà ông, nhưng ông D không làm, UBND đã lập biên bản ngày 16/8/2017.

Năm 2010 ông M có nhờ gia đình ông, phân đất nhờ sát với lối mòn để làm đường đi (đường đi là lối mòn cũ và phần đất nhà ông tiếp giáp lối mòn) cho xe ô tô vào chở đất. Gia đình ông đã tạm thời đồng ý, sau đó ông M lại cho thuê đường vào lấy đất phía trong và không muốn trả lại đất cho gia đình ông, mà còn tiếp tục cho thuê đường để xe ô tô vào lấy đất, phần đường ông M cho thuê có cả đường mòn cũ

và phần đất ông M mượn nhà ông. Ông không đồng ý việc này, nên đã rào diện tích đất tiếp giáp với lối mòn của nhà ông lại, đường mòn cũ vẫn còn, chiều rộng là 2,5m.

Do không tiếp tục cho thuê đường được, ông M đã làm đơn kiến nghị ra UBND xã Trường Gi. Tại Biên bản hòa giải ngày 23/6/2017 đã xác định con đường tồn tại cách đây 5-7 năm, bề mặt đường rộng 2,5m, đồng thời cũng xác nhận: *“từ trước khu vực đó chỉ có con đường nhỏ vào sản xuất, chứ không có đường liên xóm”*.

Tại Văn bản số 25/UB của UBND xã Trường Gi đã kết luận: Đoạn đường nêu trong đơn của ông M thực chất trước đây chỉ rộng 2,5m chứ không rộng như hiện nay. Việc gia đình ông chôn cọc để lại phần đường chiều dài 14m, bề mặt 2,5m, chân đường rộng 2,7m không ảnh hưởng đến việc đi lại của ông M cũng như các hộ ở cùng canh tác.

Đồng thời theo Báo cáo số 44/BC-UBND ngày 27/7/2017 của UBND xã Trường Gi cũng xác định: Theo bản đồ rừng trồng sản xuất năm 2003 và sổ trồng rừng sản xuất cấp cho hộ ông M và hộ ông Ng không có đường đi.

Tại Văn bản số 242/UBND-TNMT ngày 20/3/2018 đã trả lời đơn ông M xác định: “Quá trình sử dụng đất của hai hộ gia đình ông M và ông Ng từ khoảng thời gian từ 1989-1991 đến năm 2003 hai hộ được nhà nước cấp GCNQSDĐ, đã hình thành lối đi từ khu đất của hộ ông M ra đường trục thôn có kích thước khoảng (dài 14m x rộng 4m). Ông đã khiếu nại quyết định này.

Tại Quyết định số 6581/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện Lục N đã giữ nguyên Công văn số 242/UBND-TNMT ngày 20/3/2018.

Văn bản số 1401/UBND-VP ngày 21/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện Lục N về việc đính chính Quyết định số 6581/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện Lục N.

Xác định quyền và lợi ích bị xâm phạm. Ông đã khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu hủy quyết định trên.

*\* Người bị kiện có văn bản trình bày:*

1. Nguồn gốc đất đai và diễn biến vụ việc:

- Thừa đất của hộ gia đình ông M: Năm 1987 ông Nguyễn Văn M được nhà nước giao thửa đất trồng cây ăn quả lâu năm tại thôn Tòng L 3, xã Trường Gi, khi sử dụng dụng đất đó có con đường nhỏ nối từ trục đường của thôn đi vào tới thửa đất của hộ gia đình ông M dài khoảng 14m. Năm 2003 gia đình ông M được nhà nước cấp GCNQSDĐ rừng sản xuất (RTS) có số vào sổ cấp GCNQSDĐ Q 00113, QSDĐ/2919/QĐ-CT(H) ngày 23/12/2003 với diện tích là 12.200m<sup>2</sup> thời hạn sử dụng

đến 2043; kể từ khi sử dụng đất năm 1987, năm 2003 được nhà nước cấp GCNQSDĐ cho đến nay gia đình ông vẫn sử dụng ổn định không có tranh chấp với hộ gia đình, cá nhân nào trong thôn và sử dụng đoạn đường đó (duy nhất) để đi vào thửa đất của gia đình ông.

- Thửa đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn Ng: Năm 1990 hộ gia đình ông Ng sử dụng thửa đất trồng cây lâu năm tại thôn Tòng L 3, xã Trường Gi; quá trình sử dụng đến năm 2003 được nhà nước cấp GCNQSDĐ rừng sản xuất (RTS), với diện tích 7.500m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng đến năm 2043.

- Về thời điểm hai hộ gia đình xảy ra tranh chấp con đường: Năm 2013 hộ gia đình ông M có hợp đồng với ông Nguyễn Văn D, thôn Tòng L 2, xã Trường Gi vào khu vực thửa đất của gia đình ông để san gạt hạ thấp mặt bằng và vận chuyển đất dư thừa ra ngoài khu vực, tại thời điểm đó các xe ô tô, máy móc của ông D vẫn lưu thông vào khu vực thửa đất của hộ ông M để hoạt động, các loại xe ô tô có tải trọng từ 7-15 tấn vẫn hoạt động bình thường vận chuyển đất dư thừa từ thửa đất của hộ ông M đi qua đoạn đường trên ra ngoài khu vực.

Ông M cho rằng: Năm 2016 ông tiếp tục thuê máy móc vào trong thửa đất của gia đình ông để san gạt mặt bằng và cải tạo thửa đất của gia đình ông, tuy nhiên khi máy móc đi qua vào đoạn đường đó thì hộ gia đình ông Ng có rào lại một phần đường vì ông Ng cho rằng đoạn đường trên trước đây chỉ rộng khoảng 2,5m chứ không rộng như hiện nay; đoạn đường trên rộng như hiện nay là khi ông D đưa máy móc, ô tô vào chõ đất của hộ gia đình ông M năm 2013 có lấn xuống thửa đất của gia đình nhà ông do vậy ông đã rào lại phần đất mà ông cho rằng phần đó thuộc quyền sử dụng của gia đình mình (*từ khi hai hộ gia đình bắt đầu sử dụng đất đến thời điểm xảy ra tranh chấp năm 2013 hai hộ gia đình và các hộ dân trong thôn vẫn sử dụng con đường đó để đi lại*).

Từ những lý do trên nên ông M không nhất trí việc rào đường của hộ gia đình ông Ng, ông M có làm đơn gửi UBND xã để giải quyết theo quy định. Quá trình giải quyết, ngày 04/12/2017 UBND xã Trường Gi đã ban hành Công văn số 40/UBND về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Nguyễn Văn M, tuy nhiên ông đã không nhất trí với nội dung trả lời của UBND xã và ông tiếp tục có đơn gửi UBND huyện để được xem xét giải quyết.

## 2. Kết quả kiểm tra xác minh và giải quyết của UBND xã:

Ngày 12/6/2017 ông Nguyễn Văn M có đơn gửi Chủ tịch UBND xã Trường Gi đề nghị giải quyết việc gia đình ông Nguyễn Văn Ng rào lấn chiếm lối đi vào đất của gia đình ông. Quá trình kiểm tra xác minh nguồn gốc sử dụng đất và sự hình

thành đoạn đường, lối đi vào thửa đất trồng cây lâu năm của hộ gia đình ông M, UBND xã Trường Gi xác định:

Khoảng thời gian năm 1989-1991 hộ ông M có xin của hộ gia đình ông Vương Văn Th một phần đất nông nghiệp mà nhà nước giao cho hộ gia đình ông Th để làm đường đi (có xác nhận của ông Th); từ thời điểm đó cho đến nay đoạn đường trên vẫn giữ nguyên hiện trạng. Quá trình làm việc với ông Nguyễn Văn D cho biết, thời điểm năm 2013-2014 ông có đưa xe ô tô, máy xúc vào khu đất của hộ gia đình ông M để xin đất đổ đường liên xã, tại thời điểm đó do con đường mấp mô nên ông có đổ một số xe đất để nâng cao lên cho ô tô máy mức dễ đi, khi đó xe ô tô và máy mức vẫn đi vào được, ông D xác nhận con đường đi vào khu đất của hộ ông M vẫn còn nguyên trạng như hiện nay.

Quá trình giải quyết, ngày 04/12/2017 UBND xã Trường Gi ban hành Công văn số 40/UBND về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Nguyễn Văn M, nội dung Công văn xã Trường Gi đã đưa ra hai phương án giải quyết:

Phương án 1: Giữ nguyên hiện trạng con đường để làm đường đi chung, trong đó có hộ ông Th1 và hộ ông M.

Phương án 2: Để con đường có chiều rộng 3m để làm đường đi chung;

Tuy nhiên các phương án của UBND xã đưa ra không thỏa mãn được sự nhất trí của hai hộ gia đình nên ông M tiếp tục có đơn gửi đến UBND huyện để được xem xét giải quyết.

### 3. Kết quả kiểm tra xác minh của Phòng Tài nguyên Môi trường:

Quá trình kiểm tra hồ sơ cấp GCNQSDĐ và hiện trạng sử dụng đất của hai hộ gia đình, Phòng Tài nguyên Môi trường huyện xác định:

Năm 2003 hai hộ gia đình ông M và hộ ông Ng được nhà nước công nhận cấp GCNQSDĐ (RSX), trong đó: Hồ sơ và GCNQSDĐ năm 2003 của hộ ông M được cấp là 12.200m<sup>2</sup>, kết quả đo đạc hiện trạng thực tế hiện nay theo bản đồ địa chính chính quy năm 2014 của cơ quan chức năng thì thửa đất của hộ ông M có diện tích là 11.626,5m<sup>2</sup>; hồ sơ và GCNQSDĐ của hộ ông Ng năm 2003 được cấp với diện tích là 7.500m<sup>2</sup>, kết quả đo đạc năm 2014 của cơ quan chức năng diện tích thửa đất của hộ ông Ng là 8.175,7m<sup>2</sup>.

Kiểm tra hồ cấp GCNQSDĐ của hai hộ gia đình năm 2003 và kết quả đo đạc bản đồ địa chính năm 2014 thì vị trí ranh giới, mốc giới thửa đất của hai hộ gia đình đã được các hộ ký xác nhận hiện trạng thửa đất, ranh giới sử dụng đất vẫn thể hiện có con đường đi vào khu đất của hộ gia đình ông M và hộ ông Th1 có chiều dài là 14,0m; (chiều rộng đoạn rộng nhất, tại vị trí giáp đường trục thôn là 4,2m, đoạn

hẹp nhất vị trí gần cống nước rộng 3,2m, vị trí đoạn giữa đường rộng 3,6m). Ngày 26/12/2017 của Phòng Tài nguyên Môi trường huyện cùng với UBND xã và hai hộ gia đình kiểm tra xác minh tại hiện trạng thửa đất: Tại vị trí đoạn đường mà ông M có đơn đề nghị giải quyết thì không có sự rào đường đi từ phía hộ gia đình ông Ng như nội dung trong đơn mà ông M nêu.

Như vậy, có thể khẳng định rằng đoạn đường trên được hình thành và tồn tại từ khoảng thời gian từ năm 1989 cho đến nay, đoạn đường đó là hệ thống đường giao thông nông thôn thuộc UBND xã Trường Gi quản lý. Nội dung đơn của ông M đề nghị giải quyết đã được UBND xã Trường Gi tiến hành kiểm tra xác minh cụ thể; quá trình giải quyết UBND xã đã đưa ra một số các phương án để giải quyết, tuy nhiên việc xác định nội dung đơn của công dân, UBND xã Trường Gi chưa xác định đúng bản chất vụ việc nên chưa có phương án tối ưu để trả lời đơn của công dân theo đúng quy định của pháp luật đất đai, các quy định của pháp luật về quản lý đất giao thông theo quy định hiện hành.

4. Tài liệu hồ sơ để UBND huyện ban hành Quyết định 6581/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Ng:

- Căn cứ khoản 1, khoản 6 Điều 42 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; căn cứ GCNQSDĐ của hai hộ gia đình ông M và hộ ông Ng cấp năm 2003; kết quả đo đạc bản đồ địa chính chính quy của UBND xã Trường Gi năm 2014 và hiện trạng sử dụng đất thực tế của hai hộ gia đình.

- Căn cứ kết quả hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại GCNQSDĐ của hai hộ gia đình ông Ng và ông M năm 2014 đã được các hộ gia đình, trưởng thôn, UBND xã Trường Gi ký xác nhận.

- Yêu cầu hai hộ gia đình ông M và hộ ông Ng nghiêm chỉnh chấp hành theo đúng quy định của pháp luật đất đai và các quy định khác của nhà nước về quản lý đất giao thông đường bộ đồng thời giữ nguyên hiện trạng của đoạn đường nêu trên.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Ủy ban nhân dân xã Trường Gi, huyện Lục N có văn bản trình bày: UBND xã căn cứ kết luận buổi làm việc ngày 08/11/2017 của Chủ tịch UBND huyện Lục N về việc giải quyết đơn của ông M, UBND xã Trường Gi tiếp tục giải quyết trong quá trình xác minh giải quyết, ngày 04/12/2017 UBND xã Trường Gi đã ban hành Công văn số 40/UBND về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Nguyễn Văn M. Yêu cầu hai hộ gia đình ông M và hộ ông Ng nghiêm chỉnh chấp hành theo đúng quy định của

pháp luật đất đai và các quy định khác của nhà nước về quản lý đất giao thông đường bộ đồng thời giữ nguyên hiện trạng của đoạn đường nêu trên.

- Ông Nguyễn Văn M trình bày: Nhất trí quan điểm của Chủ tịch UBND huyện Lục N.

- Ủy ban nhân dân huyện Lục N có quan điểm như Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lục N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, khoản 1 và 3 Điều 158, điểm a, khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính; Điều 204 của Luật Đất đai; khoản 1 Điều 31 và khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ng về việc đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 6581/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Ng, trú tại thôn Tòng L 3, xã Trường Gi, huyện Lục N (lần đầu);

2. Kiến nghị UBND xã Trường Gi, huyện Lục N hủy bỏ Công văn số 25/UBND ngày 24/8/2017 của UBND xã Trường Gi v/v trả lời kiến nghị của ông Nguyễn Văn M.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí thẩm định tại chỗ và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 20/01/2020, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là anh Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện anh Nguyễn Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ng và hủy Quyết định số 6581/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành

chính bác kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ngày 30/10/2018 Chủ tịch UBND huyện Lục N ban hành Quyết định số 6581/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Ng. Đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Tòa án tỉnh Bắc Giang đã thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 9 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 20/11/2018 ông Ng đã có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 6581/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện Lục N về việc giải quyết khiếu nại của ông Ng nên cấp sơ thẩm xác định đơn khởi kiện của ông Ng làm trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính là chính xác.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Ng, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung ban hành Công văn số 25/UBND ngày 24/8/2017 của UBND xã Trường Gi.

- Nguồn gốc thửa đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn M: Năm 1987 ông Nguyễn Văn M được nhà nước giao thửa đất trồng cây ăn quả lâu năm tại thôn Tòng L 3, xã Trường Gi, khi sử dụng dụng đất đó có con đường nhỏ nối từ trục đường của thôn đi vào tới thửa đất của hộ gia đình ông M dài khoảng 14m. Năm 2003 gia đình ông M được nhà nước cấp GCNQSDĐ rừng sản xuất (RTS) có số vào sổ cấp GCNQSDĐ Q 00113, QSDĐ/2919/QĐ-CT(H) ngày 23/12/2003 với diện tích là 12.200m<sup>2</sup> thời hạn sử dụng đến 2043.

- Nguồn gốc thửa đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn Ng: Năm 1990 hộ gia đình ông Ng sử dụng thửa đất trồng cây lâu năm tại thôn Tòng L 3, xã Trường Gi; quá trình sử dụng đến năm 2003 được nhà nước cấp GCNQSDĐ rừng sản xuất (RTS), với diện tích 7.500m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng đến năm 2043.

- Về thời điểm hai hộ gia đình xảy ra tranh chấp con đường: Năm 2013 hộ gia đình ông M có hợp đồng với ông Nguyễn Văn D, thôn Tòng L 2, xã Trường Gi vào khu vực thửa đất của gia đình ông để san gạt hạ thấp mặt bằng và vận chuyển đất dư thừa ra ngoài khu vực, tại thời điểm đó các xe ô tô, máy móc của ông D vẫn lưu thông vào khu vực thửa đất của hộ ông M để hoạt động, các loại xe ô tô có tải trọng từ 7-15 tấn vẫn hoạt động bình thường vận chuyển đất dư thừa từ thửa đất của hộ ông M đi qua đoạn đường trên ra ngoài khu vực. Ông Ng cho rằng con đường đi có một phần đất của ông Ng, nên ông Ng đã mang cọc ra rào đường lại (rào phần đường ông Ng cho rằng là đất của ông Ng). Ông M không cho xe ô tô vào chõ đất được nên đã khiếu nại lên UBND xã Trường Gi việc này.

- Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Công văn số 25/UBND ngày 24/8/2017 của UBND xã Trường Gi.

Ngày 15/6/2017 UBND xã Trường Gi nhận được đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đường đi của ông Nguyễn Văn M đối với ông Nguyễn Văn Ng và đã cho tiến hành xác minh đơn, làm việc với các bên có liên quan, tổ chức hòa giải và ban hành Công văn số 25/UBND ngày 24/8/2017 là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền.

- Về nội dung Công văn số 25/UBND ngày 24/8/2017: Công văn có nội dung: *“UBND xã xác định ông Nguyễn Văn Ng chôn cọc lại để lại phần đường chiều dài 14m, bề mặt rộng 2,5m, chân đường rộng 2,7m không ảnh hưởng đến việc đi lại của ông M, cũng như các hộ ở và canh tác cùng với gia đình ông Nguyễn Văn M”*.

Theo quy định tại Điều 202 Luật Đất đai thì UBND cấp xã chỉ có thẩm quyền hòa giải tranh chấp đất đai.

UBND xã Trường Gi không căn cứ vào thực tế sử dụng đất, quá trình hình thành con đường, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bên và bản đồ địa chính, đã ban hành Công văn số 25/UBND ngày 24/8/2017 là không đảm bảo về nội dung.

Không đồng ý với Công văn số 25/UBND ngày 24/8/2017 của UBND xã Trường Gi, ông M tiếp tục có đơn kiến nghị ông Ng lấn chiếm đường đi.

[2.2] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung ban hành Công văn số 40/UBND ngày 04/12/2017 của UBND xã Trường Gi.

- Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Công văn số 40/UBND ngày 04/12/2017 của UBND xã Trường Gi: UBND xã Trường Gi sau khi tiếp nhận đơn kiến nghị của ông M đã tiếp tục xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành hòa giải và ban hành Công văn số 40/UBND ngày 04/12/2017 là đúng trình tự thủ tục và thẩm quyền.

- Về nội dung Công văn số 40/UBND ngày 04/12/2017: Công văn có nội

dung: “1. Qua buổi hòa giải:

+ Theo phương án một: Giữ nguyên hiện trạng con đường để làm đường đi chung, trong đó có hộ ông Nguyễn Văn Th1 và hộ ông Nguyễn Văn M. Ông Nguyễn Văn M nhất trí, nhưng ông Nguyễn Văn H không nhất trí.

+ Theo phương án hai: Để con đường có bề mặt 3m để làm đường đi chung trong đó có hộ ông Nguyễn Văn Th1 và hộ ông Nguyễn Văn M. Ông Nguyễn Văn M không nhất trí, anh Nguyễn Văn H không nhất trí (chỉ để mặt đường rộng 2,5m).

2. Căn cứ Điều 202 của Luật Đất đai, căn cứ Biên bản hòa giải ngày 01/12/2017, Tổ hòa giải của UBND xã Trường Gi tổ chức hòa giải không thành việc tranh chấp đất đai giữa ông Nguyễn Văn M và hộ ông Nguyễn Văn Ng...”.

Ông M kiến nghị UBND xã Trường Gi xem xét con đường đi chung và nội dung Công văn số 25/UBND ngày 24/8/2017. UBND xã Trường Gi đưa ra 2 phương án giải quyết vụ việc như trên là không giải quyết hết nội dung kiến nghị của ông M.

Không đồng ý với kết luận tại Văn bản số 40/UBND ngày 04/12/2017, ông Nguyễn Văn M làm đơn đề nghị UBND huyện Lục N giải quyết việc ông Nguyễn Văn M lấn chiếm lối đi vào đất của gia đình ông.

[2.3] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung ban hành Công văn số 242/UBND-TNMT ngày 20/3/2018.

- Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền của Công văn số 242/UBND-TNMT ngày 20/3/2018: Sau khi nhận được đơn của ông M, xác định đây là đơn kiến nghị, Chủ tịch UBND huyện Lục N đã cho thụ lý, xác minh nội dung đơn, trên cơ sở các tài liệu thu thập, bản đồ địa chính và hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông M và ông Ng. Chủ tịch UBND huyện Lục N đã ban hành Công văn số 242/UBND-TNMT ngày 20/3/2018 v/v trả lời đơn của ông Nguyễn Văn M là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền.

- Về nội dung của Công văn số 242/UBND-TNMT ngày 20/3/2018: Công văn số 242/UBND-TNMT ngày 20/3/2018 có nội dung: “... Hai hộ gia đình ông Nguyễn Văn M và hộ ông Nguyễn Văn Ng nghiêm chỉnh chấp hành việc sử dụng đất theo đúng qui định của pháp luật đất đai hiện hành và các qui định về quản lý giao thông đường bộ của cơ quan Nhà nước, đồng thời giữ nguyên hiện trạng đối với đoạn đường nêu trên để sử dụng vào mục đích làm đường chung của tập thể theo qui định của pháp luật”.

Ông Nguyễn Văn Ng cho rằng con đường trước đây có chiều rộng bề mặt đường 2,6m; hiện tại ông M cho xe ô tô vào khu vực đòi lấy đất nên đã đổ đất lên con đường này, đất tràn sang vườn nhà ông Ng nên đường mới rộng như hiện nay. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án thấy:

- Theo GCNQSDĐ cấp cho ông Nguyễn Văn Ng ngày 23/12/2003 thì diện tích đất gia đình ông Ng được cấp là 7500m<sup>2</sup>;

- Theo trích tờ bản đồ lập năm 2014 thể hiện vị trí đất của ông Ng tiếp giáp với đường đi nhỏ;

- Tại Phiếu xác nhận hiện trạng thửa đất ngày 05/11/2014 có xác nhận chữ ký của ông Nguyễn Văn Ng thể hiện thửa đất của ông Ng đang sử dụng có diện tích 8175,5m<sup>2</sup>, tại cạnh số 20-23 là vị trí tiếp giáp đường đi;

- Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, kết quả đo vẽ thể hiện diện tích đất ông Ng đang sử dụng là 8231,6m<sup>2</sup>, tăng so với giấy CNQSDĐ và phiếu xác nhận hiện trạng thửa đất ngày 05/11/2014, tại cạnh 9-12 có tiếp giáp với đường đi.

Như vậy việc ông Ng cho rằng ông M đã đổ đất lên đường đi, làm đất tràn vào đất của ông Ng là không có căn cứ, hiện tại diện tích đất ông Ng đang sử dụng tăng so với GCNQSDĐ. Mặt khác tại phiếu xác nhận hiện trạng thửa đất ngày 05/11/2014 ông Ng đã ký xác nhận và đồng ý với kết quả này để cấp GCNQSDĐ và thừa nhận có con đường. Do đó, Công văn số 242/UBND-TNMT ngày 20/3/2018 là đúng qui định.

Không đồng ý với nội dung Công văn số 242/UBND-TNMT ngày 20/3/2018, ông Nguyễn Văn Ng khiếu nại lên Chủ tịch UBND huyện Lục N.

[2.4] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung của Quyết định số 6581/QĐ-UBND ngày 30/10/2018: Ngày 18/5/2018 ông Nguyễn Văn Ng làm đơn khiếu nại Công văn số 242/UBND-TNMT ngày 20/3/2018. Xác định ông Ng khiếu nại lần đầu. Do đó Chủ tịch UBND huyện Lục N đã cho thụ lý đơn khiếu nại, ban hành văn bản giao nhiệm vụ giải quyết đơn khiếu nại, thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại, tiến hành làm việc với ông Ng, ông M, tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, cho đối thoại và ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo qui định tại Điều 31 Luật khiếu nại.

Quyết định số 6581/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 có nội dung: “...*Giữ nguyên Công văn số 242/UBND-TNMT ngày 20/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện Lục N về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Văn M*”.

Như đã nhận định tại mục [2.3] nêu trên. Ông Ng không có căn cứ gì chứng minh cho việc ông M đổ đất lấn lên phần đất của ông Ng. Do đó việc ông Ng khiếu nại là không có căn cứ, Chủ tịch UBND huyện Lục N ban hành Quyết định số 6581/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 là đúng về mặt nội dung.

Do quyết định có sai sót về lỗi chính tả, nên Văn bản số 1401/UBND-VP ngày 21/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện Lục N v/v đính chính Quyết định số 6581/QĐ-

UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện Lục N là đúng qui định.

Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về các nội dung khác:

[3.1] Tại đơn khởi kiện ông Ng có yêu cầu: “*Đề nghị Tòa án yêu cầu UBND huyện Lục N tôn trọng con đường cũ, công nhận Công văn số 25/UBND ngày 24/8/2017 của UBND xã Trường Gi, đo đạc chính xác và cắm mốc giới rõ ràng giữa thửa đất nhà ông và con đường hiện tại, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình ông*”. Theo qui định tại Điều 30 của Luật tố tụng hành chính thì yêu cầu này của ông Ng không thuộc thẩm quyền giải quyết của vụ án hành chính, nên Tòa án không thụ lý, mặt khác ngày 28/3/2019 anh H là người đại diện theo ủy quyền của ông Ng cũng rút yêu cầu này. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang không đặt ra xem xét là đúng quy định của pháp luật.

[3.2] Đối với Công văn số 25/UBND ngày 24/8/2017 của UBND xã Trường Gi là không đúng qui định. Ông Ng không khởi kiện văn bản này mà xác định văn bản này là đúng pháp luật. Ông M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu hủy văn bản này. Do đó, Tòa án không có thẩm quyền hủy văn bản này và kiến nghị UBND có thẩm quyền hủy bỏ văn bản này là đúng quy định.

[3.3] Đối với ý kiến anh H cho rằng ngày 26/12/2017 UBND huyện Lục N không tiến hành đo vẽ thực tế con đường và không đối thoại. Xét thấy: Theo các tài liệu UBND huyện Lục N cung cấp thì có việc UBND huyện đo vẽ con đường và có biên bản đối thoại.

Anh H cho rằng biên bản đối thoại là bản đánh máy sẵn, không phải bản viết tay nên không đúng. Xét thấy: Việc đánh máy hay bút viết tay chỉ là phương tiện để soạn thảo văn bản, không có qui định nào bắt buộc khi lập biên bản phải viết tay.

Đối với file ghi âm, ghi hình anh H nộp cho Tòa án, anh H cho rằng không có việc đối thoại. Đây là tài liệu anh H tự ghi âm, ghi hình, không tuân thủ các qui định của pháp luật tố tụng hành chính và cũng thể hiện thời gian, không gian, tính hợp lệ, hợp pháp của tài liệu. Các đương sự tham gia phiên tòa không công nhận tài liệu này. Do đó file ghi âm, ghi hình anh H nộp không có giá trị chứng minh cho vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định vấn đề này chính xác, có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H không xuất trình tài liệu chứng cứ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh H. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc không chấp nhận kháng cáo của anh H và giữ nguyên

bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người đại diện hợp pháp của người khởi kiện phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Không nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

2. Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện - anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai số 0000558 ngày 20/01/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Tự Học**